

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Minh Lâm;

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nhã P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh Thái Kim T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số 25, Tổ 1, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị P và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Nhã P trình bày:

Chị và Anh Thái Kim T chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào ngày 12/12/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống với nhau hạnh phúc và cùng nhau làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, anh T

ham chơi không làm ăn để lo cho con và gia đình. Sau khi sinh con, chị chuyển về huyện G, tỉnh Tây Ninh sinh sống, còn anh T chuyển về huyện C, tỉnh Tây Ninh sinh sống. Vợ chồng chị sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Trung K, sinh ngày 19/9/2013. Chị **yêu cầu được** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nợ ai.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2019, bị đơn – Anh Thái Kim T trình bày:

Anh cũng thống nhất với lời trình bày của Chị P về thời gian hai bên chung sống, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà mẹ ruột thuộc xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau này anh chị đi làm xí nghiệp nên chuyển về huyện Gò Dầu sinh sống, tuy nhiên sống được một thời gian thì anh chuyển về sống cùng mẹ của anh tại huyện C, tỉnh Tây Ninh do mẹ anh sống một mình. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 nhưng theo anh mâu thuẫn vợ chồng không lớn, do từ thời điểm anh chuyển về sống cùng mẹ tại huyện C thì vợ chồng ít liên lạc với nhau, anh không có điều kiện nuôi con nên anh không về huyện Gò Dầu. Vợ chồng sống ly thân nhau cách nay khoảng 4, 5 năm.

Nay Chị P yêu cầu ly hôn với anh, anh không đồng ý vì anh vẫn còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Trung K, sinh ngày 19/9/2013, hiện cháu đang sống chung với Chị P tại huyện Gò Dầu. Anh không đồng ý ly hôn với Chị P nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc chấp hành pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Nhã P. Về con chung: giao cho Chị P trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Thái Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị P không yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại Tổ 1, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

[3] Chị Nguyễn Thị Nhã P và Anh Thái Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị P và anh T.

*** Về nội dung:**

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nhã P và Anh Thái Kim T chung sống với nhau vào năm 2012 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh vào ngày 12/12/2012. Nên hôn nhân giữa chị P và anh T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Chị P và anh T đều thống nhất và thừa nhận: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc và cùng nhau làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi sinh con, chị P chuyển về sinh sống tại huyện G, tỉnh Tây Ninh, anh T chuyển về sinh sống tại huyện C, tỉnh Tây Ninh và vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T ít liên lạc với Chị P và không về Gò Dầu để thăm con do anh không có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, anh T không đồng ý ly hôn với Chị P, vì anh cho rằng anh còn thương vợ, thương con.

Thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình...”. Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian ly thân giữa chị P và anh T đã lâu, vợ chồng không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về tình nghĩa vợ chồng. Hiện chị P sống ở huyện G, tỉnh Tây Ninh, anh T sống ở huyện C, tỉnh

Tây Ninh khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Nhã P.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nhã P và Anh Thái Kim T có 01 con chung Thái Trung K, sinh ngày 19/9/2013. Từ khi sinh ra cho đến nay cháu Kiên sống cùng Chị P, do Chị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Thái Trung K cho chị P tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, đúng pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Thái Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Thái Kim T xác định không có.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhã P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Thái Kim T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thái Trung K, sinh ngày 19/9/2013 cho chị Nguyễn Thị Nhã P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Thái Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Thái Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nhã P và anh Thái Kim T xác định không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nhã P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0006074 ngày 16/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị P đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng